

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 181/2021/DS-PT

Ngày: 01 - 10 - 2021

V/v tranh chấp thừa kế
quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương.

Các Thẩm phán: Bà Hồ Thị Thanh Thúy.

Ông Lê Minh Đạt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thủy Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Ngân - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30 tháng 9 và 01 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2021/TLPT-DS ngày 15 tháng 7 năm 2021 về tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 27/2021/DS-ST ngày 10 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 147/2021/QĐPT-DS ngày 15 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Cao Thị K, sinh năm: 1955; *(có mặt)*

Địa chỉ: Số nhà 70/1, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

2. Bà Cao Thị H, sinh năm: 1948; *(có mặt)*

Địa chỉ: Số nhà 8/2, ấp Q, xã H, huyện T, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn:

1. Ông Cao Văn H1, sinh năm: 1959;

Địa chỉ: Số nhà 102/1, ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của ông H1: Ông Cao Vĩnh P, sinh năm: 1964;
là người đại diện theo ủy quyền (*văn bản ủy quyền ngày 08/3/2019*); (*có mặt*)

Địa chỉ: Số nhà 126/4, ấp G, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre.

2. Bà Cao Thị N, sinh năm: 1955;

Địa chỉ: Số nhà 249/4, ấp G, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre.

3. Bà Cao Thị Thanh T, sinh năm: 1961;

Địa chỉ: Số nhà 2/2, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

4. Bà Cao Thị T1, sinh năm: 1963;

Địa chỉ: Số nhà 81/2, ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre.

5. Ông Cao Vĩnh P, sinh năm: 1964; (*có mặt*)

Địa chỉ: Số nhà 126/4, ấp G, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của bà N, bà T, bà T1 và ông P: bà Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm: 1965; là người đại diện theo ủy quyền. (*văn bản ủy quyền ngày 27/7/2020*). (*có mặt*)

Địa chỉ: Số nhà 102/2, ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre.

6. Bà Cao Thị Kim K1, sinh năm: 1965; (*có mặt*)

Địa chỉ: Số nhà 162, Ấp 1, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị P1, sinh năm 1963;

2. Anh Cao Nguyễn Trường D, sinh năm 1992;

Cùng địa chỉ: Số nhà 126/4, ấp G, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của bà P, anh D: ông Cao Vĩnh P là người đại diện theo ủy quyền (*văn bản ủy quyền ngày 7/8/2014*).

3. Bà Võ Thị Cẩm H2, sinh năm: 1965;

4. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm: 1957;

5. Ông Nguyễn Hoàng A, sinh năm: 1990;

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T1, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của ông Bình, anh An: bà Võ Thị Cẩm H2 là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 7/8/2014).

- *Người kháng cáo:*

1. Bị đơn ông Cao Văn H1;
2. Bị đơn ông Cao Vĩnh P;
3. Bị đơn bà Cao Thị Kim K1;
4. Bị đơn bà Cao Thị N;
5. Bị đơn bà Cao Thị T1;
6. Bị đơn bà Cao Thị Thanh T;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện đề ngày 22/8/2017 (BL570), biên bản hòa giải ngày 30/10/2017 (BL579-580), biên bản hòa giải ngày 18/12/2018 (BL689-690); biên bản hòa giải ngày 27/6/2019; Biên bản hòa giải ngày 08/10/2020 (BL 888-889) trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Cao Thị K trình bày:

Lúc sinh thời cha mẹ của bà là ông Cao Văn T2, sinh năm 1918 và bà Phan Thị M, sinh năm 1926, có tất cả 8 người con gồm Cao Thị K, Cao Thị H, Cao Thị N, Cao Văn H1, Cao Thị Thanh T, Cao Thị T1, Cao Vĩnh P và Cao Thị Kim K1. Cha, mẹ tạo lập được phần đất với tổng diện tích là 12.403m² thuộc các thửa 520, 524, 525 và 528 tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp T, xã T1, huyện T, tỉnh Bến Tre. Ngày 11/5/1967 ông Cao Văn T2 hy sinh, năm 1999 bà Phan Thị M chết. Do ông Thạch mất sớm nên cụ M được cơ quan Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (QSDĐ) thuộc các thửa nêu trên. Việc cụ M được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì tất cả các con của cụ M đều đồng ý. Trong các thửa đất cấp QSDĐ cho cụ M thì ông Cao Vĩnh P đã chuyển nhượng thửa đất số 520 hiện nay không còn. Các thửa còn lại 524, 525 và 528 do cụ M chết không để lại di chúc để phân chia các phần đất trên cho ai nên tất cả chị em bà cùng quản lý nhưng do ông P khó khăn hơn nên tạm giao cho ông P canh tác quản lý sử dụng đất cho đến nay. Qua đo đạc Vlap các thửa đất có thửa mới là thửa 227 và 241 tờ bản đồ số 34. Đất tranh chấp có diện tích đo đạc theo thực tế là 11 584,3m² (ký hiệu 227, 227A, 227B, 227D và thửa 241, 241A, 241B). Do đó mỗi suất thừa kế (diện tích 11.584,3m² : 8) là 1.448,04m². Mặt khác các bị đơn Cao Thị N, Cao Văn H1, Cao Thị Thanh T, Cao Thị T1 và Cao Thị Kim K1 đều đã có ý kiến khước từ hưởng di sản thừa kế thì bà vẫn không yêu cầu chia thêm phần diện tích đất so với phần đất mà bà yêu cầu được hưởng và cũng

không yêu cầu trả giá trị đất của phần chênh lệch so với phần thừa kế mà bà được nhận.

Lúc mẹ bà còn sống có cho bà 1.250 m², còn việc ông P cho rằng ông P có cho bà đất là hoàn toàn không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà yêu cầu các bị đơn Cao Thị N, Cao Văn H1, Cao Thị Thanh T, Cao Thị T1, Cao Vĩnh P và Cao Thị Kim K1 phải chia cho bà được hưởng thừa kế là 1 phần đất do cụ M để lại có diện tích 1.406,5m² trong đó gồm các thửa mới 227A diện tích 1.164,8m² và thửa mới 241A diện tích 241,7m² cùng tờ bản đồ số 34 tọa lạc ấp 7 (nay là ấp TL), xã T1, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Trên đất bà và bà H yêu cầu chia thừa kế có 04 cây dừa và 01 cây mù u (do cụ M trồng) nhưng do ông P quản lý sử dụng đất nên nếu bà được chia phần đất theo yêu cầu thì bà đồng ý tự nguyện trả giá trị cây trồng theo hội đồng định giá huyện T đã định của 04 cây dừa loại I với số tiền 6.000.000 đồng và trả tiền công đốn di dời 01 cây mù u với số tiền 50.000 đồng (ông P đốn di dời cây mù u).

Đối với thửa đất 227C có diện tích 1.159,4m² là phần đất của bà Cao Thị N; thửa 228C có diện tích 39,2m² do khi đo đạc bà chỉ sai ranh. Bà đồng ý các phần đất này không phải đất chia thừa kế nên không yêu cầu xem xét.

Bà đồng ý với kết quả đo đạc ngày 03/7/2020 (BL855); Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/3/2020 (BL850-851), kết quả định giá ngày 23/3/2018 (BL 628- 630), kết quả định giá ngày 20/8/2019 (BL 817-819) để làm cơ sở giải quyết vụ án, không có yêu cầu đo đạc và định giá lại.

Về chi phí đo đạc, định giá, giám định do bà đã tạm nộp, bà đồng ý nộp toàn bộ không yêu cầu Tòa xem xét.

Theo đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện đề ngày 22/8/2017 (BL570), biên bản hòa giải ngày 30/10/2017 (BL579-580)) biên bản hòa giải ngày 18/12/2018 (BL689-690); biên bản hòa giải ngày 27/6/2019; biên bản hòa giải ngày 08/10/2020 (BL 888-889) trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Cao Thị H trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của bà K.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà yêu cầu các bị đơn Cao Thị N, Cao Văn H1, Cao Thị Thanh T, Cao Thị T1, Cao Vĩnh P và Cao Thị Kim K1 phải chia cho bà được hưởng di sản thừa kế là 1 phần đất do cụ M để lại cho bà có diện tích theo đo đạc thực tế 1.337,3m² trong đó gồm các thửa 227B diện tích 1.094,2m² và

thửa 241B diện tích 243,1m² cùng tờ bản đồ số 34, tọa lạc ấp T, xã T1, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Tại thửa 227B giáp ranh với thửa 223A có 02 cây trụ điện nằm trên phần đất thuộc thửa 223A nhưng 02 tay đỡ và dây điện nằm trên một phần thửa 227B (do đại lý phân phối thức ăn thủy sản BL 7 quản lý sử dụng), bà thấy không ảnh hưởng gì đến việc nếu bà được sử dụng đất nên không yêu cầu tòa xem xét.

Đối với thửa đất 227C có diện tích 1.159,4m² là phần đất của bà Cao Thị N; thửa 228B có diện tích 30,1m² do bà chỉ sai ranh. Bà đồng ý các phần đất này không phải đất chia thừa kế nên không yêu cầu tòa xem xét.

Bà đồng ý việc bà K sử dụng 04 cây dừa loại I (trên thửa 241A, 241B) và bà K có nghĩa vụ bồi hoàn giá trị cây trồng cho ông P.

Bà đồng ý với kết quả đo đạc ngày 03/7/2020 (BL855); Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/3/2020 (BL850-851); kết quả định giá ngày 23/3/2018 (BL 628- 630); kết quả định giá ngày 20/8/2019 (BL817-819) để làm cơ sở giải quyết vụ án, không có yêu cầu đo đạc và định giá lại.

Về chi phí đo đạc, định giá, giám định do bà K đã tạm nộp và tại tòa bà K đồng ý nộp toàn bộ nên bà không có ý kiến gì.

Theo biên bản hòa giải ngày 30/10/2017 (BL579-580), biên bản hòa giải ngày 18/12/2018 (BL689-690); biên bản hòa giải ngày 27/6/2019 (BL 793-794); biên bản hòa giải ngày 08/10/2020 (BL 888-889) trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa ông Cao Vĩnh P là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Cao Văn H1, người có quyền lợi liên quan bà Nguyễn Thị P1, anh Cao Nguyễn Trường D trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà K về mối quan hệ huyết thống. Đối với phần đất lúc sinh thời cha mẹ ông tạo lập được khoảng 18.903m² gồm có đất ruộng, đất giồng và đất vuông (trong đó khoảng 4000m² công đất ruộng ở xã Hòa Lợi, huyện T, khoảng 15 công đất ở xã Thạnh Hải, huyện T). Do bà Cao Thị H, Cao Thị K và Cao Thị N có gia đình trước nên cha mẹ đã phân chia cho bà H khoảng 4000m² công đất ruộng ở xã Hòa Lợi vì bà H có chồng ở xã Hòa Lợi; cho bà N khoảng 1250m² đất, bà K 1250m² đất giồng ở xã Thạnh Hải, huyện T; số đất còn lại mẹ ông vẫn trực tiếp quản lý, sử dụng và đến năm 1996 mẹ ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 12.403m² tại các thửa 520, 524, 525 và 528 tờ bản đồ số 06; tọa lạc tại ấp T, xã T1, huyện T, tỉnh Bến Tre (việc cấp giấy cho cụ M thì tất cả anh chị em của ông đều đồng ý). Trước khi cụ M chết có trăng trối “Chị K, chị H, chị N đã được cho đất rồi, nên phần đất còn lại các con ưu tiên cho thằng Phúc sử dụng vì nó quá nghèo”. Từ

đó các anh chị em ông thống nhất giao cho ông quản lý sử dụng đất vào việc thờ cúng. Trong các thửa đất cấp QSDĐ cho cụ M thì ông đã chuyển nhượng thửa 520, bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp T, xã T1, huyện T, tỉnh Bến Tre hiện nay không còn. Phần đất còn lại thửa 524, 525 và 528 (nay theo đo đạc Vlap do ông đứng tên thửa 227, 241 cùng tờ bản đồ số 34). Đất tranh chấp có diện tích đo đạc theo thực tế là 11.584,3m² (ký hiệu 227, 227A, 227B, 227D và thửa 241, 241A, 241B).

Tại phiên tòa sơ thẩm ông không đồng ý theo yêu cầu chia thừa kế của bà H và bà K. Mặt khác ông H1 khước từ không hưởng phần di sản thừa kế trong phần đất do cụ M để lại và đất hiện nay do ông P đang quản lý sử dụng nên ông H1 đồng ý ông P được tiếp tục quản lý sử dụng với diện tích theo đo đạc thực tế 11.584,3m² (ký hiệu 227, 227A, 227B, 227D và thửa 241, 241A, 241B).

Ông cho rằng phần đất của cụ M hiện nay gồm các thửa mới 227, 241 qua sử dụng thì các hộ giáp ranh đã sử dụng qua phần đất này gồm: Võ Thị N1 sử dụng một phần thửa 242, ký hiệu 242A có diện tích 233,4m²; Nguyễn Thị Bạch T3 đang sử dụng một phần thửa 246, ký hiệu 246A có diện tích 3,47m² và một phần thửa 248, ký hiệu 248A có diện tích 37,1m²; Nguyễn Hồng P2 đang sử dụng một phần thửa 244, ký hiệu 244A có diện tích 40,3m² và 244B có diện tích 139,4m² và bà Phan Thị Mỹ L đang sử dụng một phần thửa 223, ký hiệu 223A có diện tích 59,6m² (tất cả những hộ này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) và có một phần thuộc thửa 227 ông đang trực tiếp sử dụng mà theo ông biết đã cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho bà Cao Thị L1. Do đó ông có yêu cầu các nguyên đơn ủy quyền cho ông được quyền yêu cầu và đến khi nào yêu cầu tranh chấp của ông được giải quyết xong thì sẽ đồng ý chia di sản thừa kế theo yêu cầu của bà K, bà H theo quy định.

Đối với thửa đất 227C có diện tích 1.159,4m² là phần đất của bà Cao Thị N (theo thửa cũ 529 tờ bản đồ số 06), qua đo đạc Vlap đã đo bao trùm vào thửa 227 do ông đứng tên. Ông đồng ý phần đất này không phải đất chia thừa kế nên không yêu cầu xem xét.

Nếu yêu cầu của nguyên đơn bà K, bà H được Tòa án chấp nhận thì ông không yêu cầu bồi hoàn công sức tôn tạo bồi đắp trên đất tranh chấp.

Ông đồng ý với kết quả đo đạc ngày 03/7/2020 (BL855); Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/3/2020 (BL850-851); kết quả định giá ngày 23/3/2018 (BL 628- 630); kết quả định giá ngày 20/8/2019 (BL 817-819) để làm cơ sở giải quyết vụ án, không có yêu cầu đo đạc và định giá lại.

Theo biên bản hòa giải ngày 30/10/2017 (BL579-580), biên bản hòa giải ngày 18/12/2018 (BL689-690); biên bản hòa giải ngày 27/6/2019(BL 793-794);

biên bản hòa giải ngày 08/10/2020 (BL 888-889) trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn bà Cao Thị N, Cao Thị Thanh T, Cao Thị T1 và Cao Vĩnh P cùng ủy quyền cho Nguyễn Thị Hồng V trình bày:

Bà thống nhất với bà Cao Thị K, Cao Thị H về cha mẹ chung, anh chị em chung, cũng như phần diện tích đất 12.403m² thuộc các thửa 520, 524, 525 và 528 tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp T, xã T1, huyện T, tỉnh Bến Tre là của cha mẹ chết để lại; lúc còn sống cụ Phan Thị M sống với bà N, cụ M từng nói: bà N và bà H, bà K đã được cha mẹ cho đất khi lập gia đình rồi phần đất còn lại 12.403m² tại các thửa 520, 524, 525 và 528 tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp T, xã T1, huyện T, tỉnh Bến Tre cụ M đã cho Cao Vĩnh P sử dụng khi còn sống; Trước lúc chết cụ M có di nguyện: “Chị K, chị H, chị N đã được mẹ cho đất rồi, nên phần đất còn lại các con ưu tiên cho thằng Phúc sử dụng vì nó quá nghèo” chính vì lời dặn dò của cụ M trước lúc mất nên các anh chị em đã thống nhất giao cho Cao Vĩnh P quản lý sử dụng không ai ngăn cản và ông P đã chuyển nhượng thửa 520, bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp T, xã T1, huyện T, tỉnh Bến Tre hiện nay không còn, các thửa đất còn lại 524, 525 và 528, tờ bản đồ số 06 ông P đã kê khai đứng tên khi đo đạc Vlap nay thuộc thửa 227, 241 tờ bản đồ 34.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà không đồng ý chia đất theo yêu cầu của bà H, bà K. Mặt khác bà N, bà T, bà T1 khước từ không hưởng phần di sản thừa kế trong phần đất do cụ M để lại và đất hiện nay do ông P đang quản lý sử dụng nên đồng ý ông P được tiếp tục quản lý sử dụng với diện tích theo đo đạc thực tế 11.584,3m² (ký hiệu 227, 227A, 227B, 227D và thửa 241, 241A, 241B).

Đối với thửa đất 227C có diện tích 1159,4m² là phần đất của bà Cao Thị N (theo thửa cũ 529 tờ bản đồ số 06) khi đo đạc Vlap đo bao trùm vào thửa 227 do ông P đứng tên. Bà đồng ý phần đất này không phải đất chia thừa kế nên không yêu cầu xem xét.

Bà đồng ý với kết quả đo đạc ngày 03/7/2020 (BL855); Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/3/2020 (BL850-851); kết quả định giá ngày 23/3/2018 (BL 628- 630) kết quả định giá ngày 20/8/2019 (BL 817-819) để làm cơ sở giải quyết vụ án, không có yêu cầu đo đạc và định giá lại.

Nếu yêu cầu của nguyên đơn bà K, bà H được Tòa án chấp nhận thì bà N, bà T, bà T1 và ông P không yêu cầu bồi hoàn công sức tôn tạo bồi đắp gì trên đất tranh chấp và phần tài sản của bà Võ Thị Cẩm H2 có trên đất thì các bị đơn tự thỏa thuận với bà Hương, không yêu cầu Tòa án xem xét.

Trên đất có 04 cây dừa loại 1 và 01 cây mù u do ông P trồng, nếu yêu cầu của bà H, bà K được Tòa chấp nhận thì ông P yêu cầu trả giá trị cây trồng cho

ông P theo giá do Hội đồng định giá huyện T đã định giá (dựa giá 1.500.000đ/cây; 01 cây mù u tính trả tiền công đôn di dời là 50.000 đồng).

Theo biên bản hòa giải ngày 30/10/2017 (BL579-580), biên bản hòa giải ngày 18/12/2018 (BL689-690), biên bản hòa giải ngày 27/6/2019 (BL 793-794); biên bản hòa giải ngày 08/10/2020 (BL 888-889) trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn bà Cao Thị Kim K1 trình bày:

Bà thống nhất với ý kiến của các anh chị là ông Cao Văn H1, Cao Vĩnh P và bà Cao Thị N, Cao Thị Thanh T, Cao Thị T1 là không đồng ý chia phần di sản thừa kế cho bà Cao Thị K và Cao Thị H, tuy khi cha mẹ còn sống không có cho đất bà như bà K, bà H, bà N. Mặt khác bà khước từ không hưởng phần di sản thừa kế trong phần đất do cụ M để lại và đất hiện nay do ông P đang quản lý sử dụng nên đồng ý ông P được tiếp tục quản lý sử dụng với diện tích theo đo đạc thực tế 11.584,3m² (ký hiệu 227, 227A, 227B, 227D và thửa 241, 241A, 241B).

Đối với thửa đất 227C có diện tích 1.159,4m² là phần đất của bà Cao Thị N (theo thửa cũ 529, tờ bản đồ số 06) khi đo đạc Vlap đo bao trùm vào thửa 227 do ông P đứng tên. Bà đồng ý phần đất này không phải đất chia thừa kế nên không yêu cầu xem xét.

Nếu yêu cầu của nguyên đơn bà K, bà H được Tòa án chấp nhận thì bà không yêu cầu bồi hoàn công sức tôn tạo bồi đắp gì trên đất tranh chấp.

Bà đồng ý với kết quả đo đạc ngày 03/7/2020 (BL855); Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/3/2020 (BL850-851); kết quả định giá ngày 23/3/2018 (BL 628- 630) kết quả định giá ngày 20/8/2019 (BL 817 - 819) để làm cơ sở giải quyết vụ án, không có yêu cầu đo đạc và định giá lại.

Trong quá trình tố tụng người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Cẩm H2 (đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn B và anh Nguyễn Hoàng A) trình bày:

Nguyên vào ngày 09/02/2004 bà có thuê đất vườn, đất cây lâu năm và một phần đất vuông của ông Cao Vĩnh P thuộc một phần thửa 241 tờ bản đồ số 34 (thửa cũ 525 tờ bản đồ số 6) tọa lạc ấp T, xã T1, huyện T, tỉnh Bến Tre. Trên đất bà có xây dựng một căn nhà diện tích 65m² (cột bê tông, mái tol, nền trát xi măng).

Nếu Tòa giải quyết giao đất cho ai sử dụng mà có liên quan đến phần tài sản của bà thì bà sẽ tự thỏa thuận mà không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết bồi thường thiệt hại.

Ngày 24/5/2016 bà có đơn xin rút yêu cầu (BL313) đối với bà Cao Thị K.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2021/DS-ST ngày 10 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định như sau:

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, 147, 217, 227, 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 623, 649, 650, 651 của Bộ luật dân sự 2015 và các Điều 100, 203 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn Cao Thị H và Cao Thị K về việc yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với các bị đơn Cao Thị N, ông Cao Văn H1, bà Cao Thị Thanh T, bà Cao Thị T1, ông Cao Vĩnh P, bà Cao Thị Kim K1.

Buộc bà Cao Thị N, ông Cao Văn H1, bà Cao Thị Thanh T, bà Cao Thị T1, ông Cao Vĩnh P và bà Cao Thị Kim K1 phải có nghĩa vụ chia cho bà Cao Thị H được hưởng phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế 1.337,3m² trong đó gồm các thửa 227B có diện tích 1.094,2m² và thửa 241B có diện tích 243,1m² cùng tờ bản đồ số 34 tọa lạc ấp T, xã T1, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Buộc bà Cao Thị N, ông Cao Văn H1, bà Cao Thị Thanh T, bà Cao Thị T1, ông Cao Vĩnh P và bà Cao Thị Kim K1 phải có nghĩa vụ chia cho bà Cao Thị K được hưởng phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế 1.406,5m² trong đó gồm các thửa 227A có diện tích 1.164,8m² và thửa 241A có diện tích 241,7m² cùng tờ bản đồ số 34 tọa lạc ấp T, xã T1, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Bà Cao Thị K được quản lý sử dụng 04 cây dừa loại I (trên thửa 241A và 241B) nhưng bà K có nghĩa vụ trả giá trị với số tiền 6.000.000đồng và hỗ trợ chi phí đôn di dời 01 cây mù u với số tiền 50.000 đồng cho ông Cao Vĩnh P.

Ông Cao Vĩnh P được tiếp tục quản lý sử dụng phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế 8.722,5m² (ký hiệu 227, 227D và thửa 241) cùng tờ bản đồ số 34 tọa lạc ấp T, xã T1, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất cho đúng diện tích, vị trí thửa đất theo qui định pháp luật. (Có họa đồ kèm theo)

2. Đình chỉ toàn bộ yêu cầu độc lập của bà Võ Thị Cẩm H2 về việc yêu cầu bà Cao Thị K phải bồi thường 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng tiền hỗ trợ di dời nhà và chi phí cải tạo đất.

3. Về công sức bồi đắp tôn tạo trên đất tranh chấp các đương sự không có yêu cầu nên tòa án không xem xét.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng quyền kháng cáo bản án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23/5/2021, bị đơn bà Cao Thị N, ông Cao Văn H1, bà Cao Thị Thanh T, bà Cao Thị T1, ông Cao Vĩnh P và bà Cao Thị Kim K1 kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2021/DS-ST ngày 10 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T, yêu cầu hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung: Tòa cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chia di sản thừa kế theo pháp luật di sản cụ Phan Thị M đối với phần đất thửa 227, 227A, 227B, 227D và thửa 241, 241A, 241B tọa lạc tại ấp T, xã T1, huyện T, tỉnh Bến Tre là phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Cao Thị N, ông Cao Văn H1, bà Cao Thị Thanh T, bà Cao Thị T1, ông Cao Vĩnh P và bà Cao Thị Kim K1, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2021/DS-ST ngày 10 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của bị đơn bà Cao Thị N, ông Cao Văn H1, bà Cao Thị Thanh T, bà Cao Thị T1, ông Cao Vĩnh P và bà Cao Thị Kim K1;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn bà Cao Thị K và bà Cao Thị H khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Phan Thị M đối với phần đất diện tích đo đạc theo thực tế là 11.466,3m² (ký hiệu thửa 227, 227A, 227B, 227D và thửa 241, 241A, 241B tọa lạc tại ấp T, xã T1, huyện T, tỉnh Bến Tre. Các đương sự thống nhất cụ Thạch và cụ M có 08 người con gồm: Cao Thị K, Cao Thị H, Cao Thị N, Cao Văn H1, Cao Thị Thanh T, Cao Thị T1, Cao Vĩnh P và Cao Thị Kim K1. Do cụ Thạch

chết sớm nên cụ M được cơ quan Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất có diện tích 12.403m² thuộc các thửa 520, 524, 525 và 528 tờ bản đồ số 6. Khi cụ M được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì các con của cụ đều thừa nhận đã đồng ý. Vì vậy, đất tranh chấp được xác định là tài sản của cụ M, cụ M có toàn quyền quyết định tặng cho người khác toàn bộ hoặc một phần tài sản của mình. Người được tặng cho tài sản không bị loại trừ quyền hưởng di sản thừa kế theo pháp luật nên các bị đơn không đồng ý chia thừa kế vì cho rằng bà K, bà H đã được mẹ cho đất rồi là không phù hợp.

[2] Đối với thửa đất 227C có diện tích 1159,4m² các đương sự đều thừa nhận là phần đất của bà Cao Thị N (theo thửa cũ 529, tờ bản đồ số 06) khi đo đạc Vlap đã đo bao trùm vào thửa 227 do ông Cao Vĩnh P đứng tên, phần này các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu xác định là di sản để chia thừa kế.

[3] Đối với các thửa đất do bà H, bà K xác định qua ranh và phần đất hiện nay do bà Lê Thị Hiền quản lý sử dụng gồm: Thửa 228, 228B, 228C. Các đương sự không có yêu cầu xác định là di sản để chia thừa kế.

[4] Ông Cao Vĩnh P cho rằng phần đất do cụ M để lại hiện do ông P đứng tên theo đo đạc Vlap gồm các thửa 227, 241 nhưng qua quá trình sử dụng thì các hộ giáp ranh đã sử dụng qua phần đất của ông P gồm: Võ Thị N1 sử dụng thửa 242A có diện tích 233,4m²; Nguyễn Thị Bạch T3 đang sử dụng thửa 246A có diện tích 3,47m² và thửa 248A có diện tích 37,1m²; Nguyễn Hồng P2 đang sử dụng thửa 244A có diện tích 40,3m² và thửa 244B có diện tích 139,4m²; bà Phan Thị Mỹ L đang sử dụng thửa 223A có diện tích 59,6m² (tất cả những hộ này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) và có một phần thuộc thửa 227 ông P đang trực tiếp sử dụng mà đã cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho bà Cao Thị L1. Tại các biên bản làm việc của Tòa án đối với bà Võ Thị N1, Nguyễn Thị Bạch T3, Nguyễn Hồng P2, Phan Thị Mỹ L đều trình bày là do ông P xác định sai ranh qua các thửa 242A, 246A, 248A, 244A, 244B, 223A đất hiện nay do bà N1, bà T1, bà P2, bà L đang trực tiếp quản lý sử dụng và bà N1, bà T1, bà P2, bà L không yêu cầu Tòa xem xét. Hơn nữa, nguyên đơn không có tranh chấp, không có yêu cầu xác định các phần đất này là di sản để chia thừa kế. Việc ông P cho rằng có một phần thuộc thửa 227 ông P đang trực tiếp sử dụng nhưng đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Cao Thị L1 thì ông cũng không có chứng cứ chứng minh. Quá trình nguyên đơn và bị đơn tranh chấp, Tòa án tiến hành thẩm định, đo đạc đất tranh chấp thì bà L1 không có ý kiến, không có khiếu nại hay tranh chấp. Do đó lời trình bày của các bị đơn về việc đất đang có tranh chấp nên không đồng ý chia di sản của cụ M là không có cơ sở.

[5] Tại phiên Tòa phúc thẩm ông P, bà Kiên và người đại diện hợp pháp của bà N, bà T, bà T1 đều thống nhất bà Kiên, bà N, bà T, bà T1 chỉ đồng ý để cho ông P tiếp tục quản lý phần đất tranh chấp; bà Kiên, bà N, bà T, bà T1 không có khước từ hưởng di sản thừa kế của cụ M nên ghi nhận.

[6] Phần đất các nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế gồm các thửa ký hiệu thửa 227, 227A, 227B, 227D và thửa 241, 241A, 241B có tổng diện tích qua đo đạc thực tế là 11.466,3m². Tòa cấp sơ thẩm xác định phần đất này có diện tích 11.584,3m² là có sai sót nên điều chỉnh lại cho phù hợp. Phần đất này được xác định là di sản của cụ M. Cụ M chết không để lại di chúc. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ M có 08 người. Vì vậy, Tòa cấp sơ thẩm xác định phần di sản này sẽ được chia làm 08 kỷ phần. Tuy nhiên, cụ M chết năm 1999. Ông P là người sống chung với cụ M. Từ khi cụ M chết đến nay đã hơn 20 năm, ông P là người quản lý di sản, có công gìn giữ, tôn tạo, làm tăng giá trị di sản nên cần phải xem xét công sức đóng góp của ông. Tòa cấp sơ thẩm nhận định ông P không có yêu cầu xem xét công sức tôn tạo bồi đắp đất nên không xem xét là không phù hợp. Công sức đóng góp của ông P được xác định tương đương 1 kỷ phần thừa kế. Vì vậy, phần di sản sẽ được chia làm 09 phần, mỗi kỷ phần thừa kế tương đương diện tích $11.466,3/9 = 1274,03\text{m}^2$.

[7] Bà Cao Thị H yêu cầu được nhận phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế 1.337,3m² trong đó gồm các thửa 227B có diện tích 1.094,2m² và thửa 241B có diện tích 243,1m² cùng tờ bản đồ số 34 tọa lạc ấp T, xã T1, huyện T, tỉnh Bến Tre. Phần đất này nhiều hơn 1 kỷ phần thừa kế diện tích 63,27m². Theo biên bản định giá tài sản ngày 20/8/2019 phần đất tranh chấp có giá trị 1.400.000đồng/m² nên bà H phải hoàn lại cho bà Cao Thị N, ông Cao Văn H1, bà Cao Thị Thanh T, bà Cao Thị T1, ông Cao Vĩnh P và bà Cao Thị Kim K1 số tiền $63,27\text{m}^2 \times 1.400.000\text{đồng/m}^2 = 88.578.000\text{đồng}$. Trên đất bà H được nhận có 02 tay đỡ và dây điện do đại lý phân phối thức ăn thủy sản BL 7 quản lý sử dụng do bà H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[8] Bà Cao Thị K yêu cầu được nhận phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế 1.406,5m² trong đó gồm các thửa 227A diện tích 1.164,8m² và thửa 241A diện tích 241,7m² cùng tờ bản đồ số 34, tọa lạc ấp T, xã T1, huyện T, tỉnh Bến Tre. Phần đất này nhiều hơn 1 kỷ phần thừa kế diện tích 132,47m² nên bà K phải hoàn lại cho bà Cao Thị N, ông Cao Văn H1, bà Cao Thị Thanh T, bà Cao Thị T1, ông Cao Vĩnh P và bà Cao Thị Kim K1 số tiền 185.458.000đồng.

[9] Ghi nhận bà Cao Thị N, ông Cao Văn H1, bà Cao Thị Thanh T, bà Cao Thị T1, ông Cao Vĩnh P và bà Cao Thị Kim K1 đồng ý để cho ông Cao Vĩnh P

được tiếp tục quản lý sử dụng phần đất ký hiệu 227, 227D và 241, cùng tờ bản đồ số 34, tọa lạc ấp T, xã T1, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Từ những nhận định trên, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Cao Thị N, ông Cao Văn H1, bà Cao Thị Thanh T, bà Cao Thị T1, ông Cao Vĩnh P và bà Cao Thị Kim K1. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2021/DS-ST ngày 10 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T, đề nghị của Kiểm sát viên có một phần phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận một phần.

[10] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên bà Cao Thị N, ông Cao Văn H1, bà Cao Thị Thanh T, bà Cao Thị T1, ông Cao Vĩnh P và bà Cao Thị Kim K1 không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Cao Thị N, ông Cao Văn H1, bà Cao Thị Thanh T, bà Cao Thị T1, ông Cao Vĩnh P và bà Cao Thị Kim K1;

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2021/DS-ST ngày 10 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T.

Cụ thể tuyên:

Áp dụng các điều 623, 649, 650, 651 của Bộ luật dân sự 2015 và các Điều 100, 203 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn Cao Thị H và Cao Thị K về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Phan Thị M theo pháp luật đối với phần đất diện tích đo đạc theo thực tế là 11.466,3m² (ký hiệu thửa 227, 227A, 227B, 227D và thửa 241, 241A, 241B tọa lạc tại ấp T, xã T1, huyện T, tỉnh Bến Tre.

- Buộc bà Cao Thị N, ông Cao Văn H1, bà Cao Thị Thanh T, bà Cao Thị T1, ông Cao Vĩnh P và bà Cao Thị Kim K1 phải có nghĩa vụ giao cho bà Cao Thị H được hưởng phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế 1.337,3m² trong đó gồm các thửa 227B có diện tích 1.094,2m² và thửa 241B có diện tích 243,1m² cùng tờ bản đồ số 34 tọa lạc ấp T, xã T1, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Buộc bà Cao Thị H giao cho bà Cao Thị N, ông Cao Văn H1, bà Cao Thị Thanh T, bà Cao Thị T1, ông Cao Vĩnh P và bà Cao Thị Kim K1 giá trị chênh lệch so với phần thừa kế bà H được nhận số tiền 88.578.000đồng (tám mươi tám triệu năm trăm bảy mươi tám ngàn đồng).

- Buộc bà Cao Thị N, ông Cao Văn H1, bà Cao Thị Thanh T, bà Cao Thị T1, ông Cao Vĩnh P và bà Cao Thị Kim K1 phải có nghĩa vụ giao cho bà Cao Thị K được hưởng phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế 1.406,5m² trong đó gồm các thửa 227A có diện tích 1.164,8m² và thửa 241A có diện tích 241,7m² cùng tờ bản đồ số 34 tọa lạc ấp T, xã T1, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Buộc bà Cao Thị K giao cho bà Cao Thị N, ông Cao Văn H1, bà Cao Thị Thanh T, bà Cao Thị T1, ông Cao Vĩnh P và bà Cao Thị Kim K1 giá trị chênh lệch so với phần thừa kế bà K được nhận số tiền 185.458.000đồng (một trăm tám mươi lăm triệu bốn trăm năm mươi tám ngàn đồng)

Bà Cao Thị K được quản lý sử dụng 04 cây dừa loại I (trên thửa 241A và 241B) nhưng bà K có nghĩa vụ trả giá trị cho ông Cao Vĩnh P với số tiền 6.000.000đồng và hỗ trợ chi phí đôn di dời 01 cây mù u với số tiền 50.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải Thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

- Ghi nhận bà Cao Thị N, ông Cao Văn H1, bà Cao Thị Thanh T, bà Cao Thị T1, ông Cao Vĩnh P và bà Cao Thị Kim K1 đồng ý để cho ông Cao Vĩnh P được tiếp tục quản lý sử dụng phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế 8.722,5m² thuộc thửa ký hiệu 227, 227D và thửa ký hiệu 241, cùng tờ bản đồ số 34 tọa lạc ấp T, xã T1, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất cho đúng diện tích, vị trí thửa đất được chia theo qui định pháp luật. (Có họa đồ kèm theo)

2. Đình chỉ toàn bộ yêu cầu độc lập của bà Võ Thị Cẩm H2 về việc yêu cầu bà Cao Thị K phải bồi thường 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng tiền hỗ trợ di dời nhà và chi phí cải tạo đất.

3. Về chi phí tố tụng: Bà Cao Thị K đồng ý nộp toàn bộ và không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Các nguyên đơn Cao Thị K, bà Cao Thị H và bị đơn Cao Thị N, ông Cao Văn H1, bà Cao Thị Thanh T, bà Cao Thị T1, ông Cao Vĩnh P, bà Cao Thị Kim K1 được miễn nộp án phí do là con liệt sĩ.

- Hoàn trả cho bà Cao Thị K tạm ứng án phí đã nộp số tiền 3.100.000 đồng (ba triệu một trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số: 0007218 ngày 14/11/2012 của Chi cục Thi hành án huyện T.

- Hoàn trả cho bà Cao Thị H tạm ứng án phí đã nộp số tiền 2.712.500 đồng (hai triệu bảy trăm mười hai ngàn năm trăm đồng) theo biên lai thu số: 0007219 ngày 14/11/2012 của Chi cục Thi hành án huyện T.

- Hoàn trả cho bà Võ Thị Cẩm H2 tạm ứng án phí đã nộp số tiền 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0021571 ngày 26/01/2015 của Chi cục Thi hành án huyện T.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: bà Cao Thị N, ông Cao Văn H1, bà Cao Thị Thanh T, bà Cao Thị T1, ông Cao Vĩnh P và bà Cao Thị Kim K1 không phải chịu.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Hương